BỘ Y TẾ **BỆNH VIỆN NHI TRUNG ƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2022

THƯ MỜI
Cung cấp thông tin cung ứng thuốc

Bệnh viện Nhi Trung ương đang có nhu cầu mua một số thuốc phục vụ công tác khám và điều trị tại Bệnh viện, danh mục chi tiết tại phụ lục 1 đính kèm. Trong đó có một số danh mục thuốc Bệnh viện đề xuất giá căn cứ theo kết quả trúng thầu được Cục quản lý Dược đăng tải trong 12 tháng gần đây.

Để có căn cứ xây dựng và phê duyệt kế hoạch mua sắm thuốc, Bệnh viện kính đề nghị các Quý công ty có khả năng cung ứng các thuốc trên cung cấp cho Bệnh viện các thông tin của thuốc và khả năng cung ứng của công ty ở thời điểm hiện tại theo biểu mẫu đính kèm.

Để đảm bảo kịp thời có thuốc phục vụ công tác khám và điều trị tại Bệnh viện, quý công ty vui lòng gửi công văn phúc đáp bằng văn bản về Bệnh viện trước 14 giờ 00 phút ngày 17/08/2022 theo địa chỉ: Khoa Dược- Bệnh viện Nhi Trung ương (Địa chỉ: Số 18/879 đường La thành- Láng Thượng- Đống Đa- Hà Nội.

Rất mong nhận được sự hợp tác từ Quý công ty.

Trân trọng!

GIÁM ĐỐC

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN NHI TRUNG ƯƠNG

Trần Minh Điển

Phụ lục 1. DANH MỤC THUỐC CÓ NHU CẦU MUA SẮM

(Kèm theo thư mời cung cấp thông tin thuốc ngày 12 tháng 08 năm 2022 của Bệnh viện Nhi Trung ương)

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ/hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Đơn giá đề xuất (đồng)
1	A/ Brisbane/02/2018 (H1N1)pdm09- Like strain (A/Brisbane/02/2018,IVR-190) haemagglutinin; A/ South Australia/34/2019(H3N2)- Like strain(A/South Australia/ 34/2019, IVR- 197) haemagglutinin; B/Washington/02/2019 - like strain (B/Washington/02/2019, Wild type) haemagglutinin; B/Phuket/3073/2013 - like strain (B/Yamagata/16/88 lineage) (B/Phuket/3073/2013, Wild type) haemagglutinin	Nhóm 1	15mcg; 15mcg; 15mcg; 15mcg/ 0,5ml	Thuốc tiêm	Tiêm/ tiêm truyền	Xy lanh	500,00	251.450
2	Amitriptylin (hydroclorid)	Nhóm 2	25mg	Viên	Uống	viên	1.000,00	1.445
3	Amoxicilin + acid clavulanic	Nhóm 2	200mg/5ml + 28,5mg/5ml; chai 70ml	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Chai/Lọ	3.000,00	
4	Amoxicilin + acid clavulanic	Nhóm 2	(250mg+ 62,5mg)/5ml; 100ml	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Chai/Lọ	20	
5	Amoxicilin + acid clavulanic	Nhóm 5	(250mg+ 62,5mg)/5ml; 100ml	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Chai/Lọ	20	
6	Aspirin (Acetylsalicylic acid)	Nhóm 4	100mg	Bột/cốm/hạt pha uống	uống	gói	6.000,00	1.470
7	BCG sống, đông khô 0,5mg	Nhóm 4	0,5 mg	Thuốc tiêm	Tiêm	Chai/lọ/ống/túi	2.500,00	60.900
8	Cetirizin hydroclorid	Nhóm 4	10mg/1,5g	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Gói	3.000	
9	Ciclosporin	Nhóm 2	100mg/1ml, chai 50ml	Dung dịch/ hỗn dịch/nhũ dịch uống	Uống	chai/Lọ	900	
10	Ciprofloxacin	Nhóm 4	250mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Đường uống	Gói	2.000	
11	Dexamethason	Nhóm 4	0,5mg	Viên	Uống	Viên	32.000,00	59
12	Dịch lọc máu/thẩm tách máu (Ngăn A: Calci clorid, Magie clorid, axit lactic, Ngăn B: Natri bicarbonat, Natri clorid)	Nhóm 1	((Ngăn A: 5,145g+2,033g+5,4g)+ (Ngăn B: 3,09g + 6,45g))/1l, 5 lit	Dung dịch thẩm phân	Tiêm/ tiêm truyền	túi	3.600,00	700.000
13	Digoxin 0,25mg	Nhóm 4	0,25mg	viên	uống	viên	3.500,00	590
14	Domperidon	Nhóm 4	10mg/10ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Gói	1.200,00	4.400
15	Fexofenadin hydroclorid 30mg	Nhóm 4	30mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Gói	10.000	
16	Glucagon	Nhóm 5	1mg	Thuốc tiêm	Tiêm/ tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi	300,00	
17	Glucose1-phosphat dinatri tetrahydrate	Nhóm 1	250,8mg/ml; 10ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm/ tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi	100,00	
18	Giải độc tố bạch hầu >= 30IU, Giải độc tố uốn ván >= 40IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố (PTxd) 25 mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 25 mcg; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt 40 D.U; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt 8 D.U; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt 32 D.U	Nhóm 1	Giải độc tố bạch hầu >= 30IU, Giải độc tố uốn ván >= 40IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố (PTxd) 25 mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 25 mcg; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt 40 D.U; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt 8 D.U; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt 32 D.U	Thuốc tiêm	Tiêm/ tiêm truyền	Bơm tiêm	400,00	378.672
19	Giải độc tố bạch hầu ≥ 2 IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 20 IU; Giải độc tố ho gà 8µg; Filamentous Haemagglutimin 8µg;Pertactin 2,5µg	Nhóm 1	Mỗi liều 0,5ml chứa: ≥2 IU;≥20 IU; 8mcg;8mcg; 2,5mcg	Thuốc tiêm	Tiêm/ tiêm truyền	Hộp	200,00	598.000
20	Giải độc tố uốn ván tinh chế	Nhóm 4	Mỗi liều 0,5ml chứa: Giải độc tố uốn ván tinh khiết ≥ 40IU	Thuốc tiêm	Tiêm/ tiêm truyền	Liều/ống	200,00	12.180
21	Ibuprofen	Nhóm 5	10mg/2ml	Thuốc tiêm	Tiêm/ tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi	50,00	
22	Immune globulin (độ tinh khiết 98%)	Nhóm 1	10%, 25ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm truyền	Chai	500,00	

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ/hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Đơn giá đề xuất (đồng)
23	Immune globulin (độ tinh khiết 98%)	Nhóm 1	10%, 50ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm truyền	Chai	300,00	6.901.000
24	Kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B (HbsAg)	Nhóm 2	10mcg/0,5ml/1 liều	Thuốc tiêm	Tiêm	Lọ	200,00	63.000
25	Levobupivacain	Nhóm 4	25mg/10ml	Thuốc tiêm	Tiêm/ tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi	3.000	
26	Lidocain + epinephrin (adrenalin)	Nhóm 1	(36mg + 18,13µg)/1,8ml	Thuốc tiêm	Tiêm/ tiêm truyền	Ống	3.600,00	12.300
27	L-Ornithin - L-Aspartat	Nhóm 2	500mg/5ml	Thuốc tiêm	Tiêm/ tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi	1.500,00	14.500
28	Meropenem	BDG	500mg	Thuốc tiêm	Tiêm/ Tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi	30.000,00	394.717
29	Methotrexat	Nhóm 2	2,5mg	Viên	Uống	Viên	7.200,00	2.200
30	Methotrexat	Nhóm 4	5mg	Viên	Uống	Viên	4.000	
31	Methotrexat	Nhóm 2	50mg/2ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm/ tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi	15.000,00	61.800
32	Mỗi 0,5ml dung dịch chứa Polysaccharide polyribosylribitolphosphate (PRP) 10mcg cộng hợp với (20,8-31,25 mcg) giải độc tố uốn ván.	Nhóm 5	10 mcg PRP cộng hợp với (20,8-31,25mcg) giải độc tố uốn ván/0,5 ml	Thuốc tiêm	Tiêm	Chai/lọ/ống/túi	150,00	179.550
33	Mỗi 1 liều vắc - xin hoàn nguyên (0,5 ml) chứa: Virus dại bất hoạt (chủng Wistar PM/WI 38 1503-3M) ≥ 2,5 IU	Nhóm 1	Mỗi 1 liều vắc - xin hoàn nguyên (0,5 ml) chứa: Virus dại bất hoạt (chủng Wistar PM/WI 38 1503-3M) ≥ 2,5 IU	Thuốc tiêm	Tiêm	Lọ	250,00	241.595
34	Mỗi liều 0,5 ml vắc xin hoàn nguyên chứa: Virus Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2 tái tổ hợp, sống, giảm độc lực 4,0 - 5,8 log PFU	Nhóm 5	4,0 - 5,8 log PFU	Thuốc tiêm đông khô	Tiêm	Chai/lọ/ống	2.500,00	554.400
35	Mỗi liều 0,5ml chứa: - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp) 4µg; - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp) 4µg; - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp) 4µg; - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W-135) (đơn giá cộng hợp) 4µg; - Protein giải độc tố Bạch hầu 48µg (Protein mang cộng hợp polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)	Nhóm 5	4mcg; 4mcg; 4mcg; 4mcg; 48 mcg	Thuốc tiêm	Tiêm	Chai/lọ/hộp	2.500,00	1.050.000
36	Mỗi liều 0,5ml chứa: Giải độc tố bạch hầu: không dưới 20 IU; Giải độc tố uốn ván: không dưới 40 IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT): 25mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; Virus bại liệt (bất hoạt): Týp 1 (Mahoney): 40 đơn vị kháng nguyên D, Týp 2 (MEF-1): 8 đơn vị kháng nguyên D, Týp 3 (Saukett): 32 đơn vị kháng nguyên D; Kháng nguyên bề mặt viêm gan B: 10mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae týp b (Polyribosylribitol Phosphate): 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36 mcg.	Nhóm 1	Mỗi liều 0,5ml chứa: Giải độc tố bạch hầu: không dưới 20 IU; Giải độc tố uốn ván: không dưới 40 IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT): 25mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; Virus bại liệt (bất hoạt): Týp 1 (Mahoney): 40 đơn vị kháng nguyên D, Týp 2 (MEF-1): 8 đơn vị kháng nguyên D, Týp 3 (Saukett): 32 đơn vị kháng nguyên D; Kháng nguyên bề mặt viêm gan B: 10mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae týp b (Polyribosylribitol Phosphate): 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36 mcg.	Thuốc tiêm	Tiêm	Bơm tiêm	4.000,00	824.000
37	Mỗi liều 0,5ml chứa: virus viêm gan A (chủng GBM) bất hoạt 80U	Nhóm 1	Mỗi liều 0,5ml chứa: virus viêm gan A (chủng GBM) bất hoạt 80U	Thuốc tiêm	Tiêm/ tiêm truyền	Liều	2.500,00	395.105
38	Mỗi liều 0,5ml chứa: - Giải độc tố uốn ván 5 Lf; - Giải độc tố bạch hầu 2 Lf; - Ho gà vô bào: Giải độc tố ho gà (PT) 2,5mcg; FHA 5mcg; Pertactin (PRN) 3mcg; Ngưng kết tố 2 + 3 (FIM) 5mcg	Nhóm 5	Mỗi liều 0,5ml chứa: - Giải độc tố uốn ván 5 Lf; - Giải độc tố bạch hầu 2 Lf; - Ho gà vô bào: Giải độc tố ho gà (PT) 2,5mcg; FHA 5mcg; Pertactin (PRN) 3mcg; Ngưng kết tố 2 + 3 (FIM) 5mcg	Thuốc tiêm	Tiêm/ tiêm truyền	Lọ	100,00	525.000

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ/hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Đơn giá đề xuất (đồng)
39	Mỗi liều 0,5ml vắc xin chứa: A/Brisbane/02/2018 (H1N1)pdm09 – sử dụng chủng tương đương (A/Brisbane/02/2018, IVR-190) 15 mcg; A/South Australia/34/2019 (H3N2) – sử dụng chủng tương đương (A/South Australia/34/2019; IVR-197) 15 mcg; B/Washington/02/2019 – sử dụng chủng tương đương (B/Washington/02/2019, chủng hoang dã) 15 mcg; B/Phuket/3073/2013 – sử dụng chủng tương đương (B/Phuket/3073/2013, chủng hoang dã) 15 mcg	Nhóm 1	0,5ml	Thuốc tiêm	Tiêm/ tiêm truyền	Liều	7.000,00	270.000
40	Neomycin sulfat+Dexamethason natri phosphat	Nhóm 4	(34.000IU + 10mg)/ 10ml; 8ml	Thuốc nhỏ mắt/mũi/tai	nhỏ mắt/ mũi/ tai	Chai/lọ	20	
41	Octreotid	Nhóm 1	0,1mg/ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm/ Tiêm truyền	Ống	18.000,00	85.400
42	Oka/Merck varicella virus, live, attenuated >= 1350 PFU	Nhóm 1	0,5ml	Thuốc tiêm đông khô	Tiêm	Chai/lọ/ống/túi	1.200,00	667.700
43	Oxacilin	Nhóm 2	250mg	Viên nang	Uống	Viên	1.000,00	4.500
44	Polysaccharide của Salmonella typhi chủng Ty2	Nhóm 5	25mcg/ 0,5ml	Thuốc tiêm	Tiêm/ tiêm truyền	Bơm tiêm	100,00	
45	Propranolol hydroclorid	Nhóm 4	40mg	viên	Uống	viên	500.000,00	600
46	Protein bao gồm kháng nguyên virus viêm gan A tinh khiết	Nhóm 4	<100µg/0,5ml	Thuốc tiêm	Tiêm/ tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi	100,00	95.400
47	Protein màng ngoài tinh khiết vi khuẩn não mô cầu nhóm B- 50mcg/0,5ml. Polysaccharide vỏ vi khuẩn não mô cầu nhóm C-50mcg/0,5ml.	Nhóm 5	50mcg/0,5ml; 50mcg/0,5ml	Thuốc tiêm	Tiêm/ tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi	3.000,00	151.704
48	Rotundin	Nhóm 4	30mg	Viên	Uống	Viên	16.000,00	320
49	Salbutamol	Nhóm 4	2,5mg/2,5ml	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Hít qua máy khí dung	Ống	150.000,00	4.200
50	Salbutamol + Ipratropium bromide	BDG	2,5mg+ 0,5mg	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Đường hô hấp	Chai/lọ/ống/túi	4.500,00	16.074
51	Sắt Sucrose	Nhóm 1	100mg/5ml	Thuốc tiêm	Tiêm/Tiêm truyền	Ống	60,00	88.450
52	Selen trong men khô; Crom trong men khô; Acid ascorbic	Nhóm 4	92,6mg; 100mg; 50mg	Viên nang	Uống	Viên	300	
53	Somatropin	Nhóm 1	10mg/1,5ml	Thuốc tiêm	Tiêm/ tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi/Bơm tiêm	5.000	
54	Sorbitol	Nhóm 4	3,3% 1000ml	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Chai	200,00	22.500
55	Tocilizumab	Nhóm 1	20mg/ml, 10ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm/ tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi	400,00	5.190.699
56	Than hoạt	Nhóm 4	100mg	viên	Uống	Viên	4.500,00	343
57	Theophylin-ethylendiamin (aminophylin)	Nhóm 1	4,8%/5ml	Thuốc tiêm	Tiêm	Ống	100,00	11.829
58	Trihexyphenidyl hydroclorid	Nhóm 4	2mg	Viên	Uống	Viên	6.000,00	90
59	Trimethoprim, Sulfamethoxazole	Nhóm 5	400mg+ 80mg	Thuốc tiêm truyền	Tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi	300,00	3.000
60	Vasopressin	Nhóm 5	40IU/2ml	Thuốc tiêm	Tiêm/ tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi	200,00	
61	Vắc xin tái tổ hợp tử giá phòng vi-rút HPV ở người tuýp 6,11,16,18. Mỗi liều 0.5ml chứa 20mcg protein L1 HPV6, 40mcg protein La HPV11, 40mcg protein La HPV16, 20mcg Protein La HPV18	Nhóm 1	(20mcg protein L1 HPV6 ; 40mcg protein L1 HPV11; 40mcg L1 HPV 16; 20mcg protein L1 HPV18) / 0,5ml	Thuốc tiêm	Tiêm/ tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi	300,00	1.509.600
62	Virus thủy đậu sống giảm độc lực (chủng OKA) ≥ 103,3 PFU	Nhóm 1	≥ 103,3 PFU	Thuốc tiêm đông khô	Tiêm	Hộp	1.200,00	764.000
63	Vitamin K1 (Phytomenadion)	Nhóm 4	100mg/5ml (Drop)	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/lọ/ống/túi	3.000,00	150.000
64	Warfarin	Nhóm 4	1 mg	Viên	Uống	viên	500,00	1.500

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ/hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Đơn giá đề xuất (đồng)
65	Warfarin	Nhóm 4	2mg	Viên	Uống	viên	800,00	2.700
66	Zopiclon	Nhóm 2	7,5mg	Viên	Uống	Viên	600,00	2.400

Biểu mẫu

TÊN ĐƠN VỊ CUNG CẤP
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BẢNG BÁO GIÁ VÀ THÔNG TIN CUNG ỨNG THUỐC
Kính gửi: Bệnh viện Nhi Trung ương

.....(tên đơn vị)..... có địa chỉ tại....., số đăng ký kinh doanh..... được cấp bởi

Căn cứ thư mời cung cấp thông tin cung ứng thuốc ngày... tháng ... năm.... của Bệnh viện Nhi Trung ương và khả năng cung ứng của công ty, chúng tôi xin gửi tới Quý bệnh viện bảng Báo giá và khả năng cung ứng các mặt hàng như sau:

STT	STT trong phụ lục 1 thư mời	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Số đăng ký	Nhóm tiêu chí kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng có khả năng cung ứng	Đơn giá cung cấp sau VAT (đồng)	Giá kê khai (đồng)

Ghi chú: Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bàn giao và các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)

Hiệu lực của báo giá:….....

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm 2022

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ